

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2

Số: 1580/QĐ-DHSPHN2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Căn cứ Quyết định số 128/CP ngày 14 tháng 8 năm 1967 của Thủ tướng Chính phủ
về việc thành lập Trường ĐHSP Hà Nội 2;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ
quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng
Chính phủ Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và
ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-DHSPHN2 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Hiệu
trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại Biên bản họp ngày 12 tháng
8 năm 2022 về việc thông qua các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ sửa đổi, bổ sung
năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm KT&DBCLGD.

QUYẾT ĐỊNH:

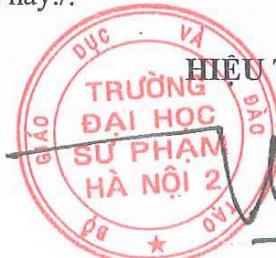
Điều 1. Ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, áp dụng từ khóa tuyển
sinh năm 2022 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng TC-HC, Đào tạo, Tài vụ; Giám đốc Trung tâm
KT&DBCLGD, trưởng các khoa, Viện trưởng Viện CNTT và các đơn vị, cá nhân có liên
quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: TC-HC, ĐT, KT&DBCLGD (6). *g/c*



Nguyễn Quang Huy

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(*Ban hành theo Quyết định số 1580/QĐ-DHSPHN2 ngày 15 tháng 8 năm 2022
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

Tiếng Anh: Theory and Methodology of Teaching Literature and Vietnamese

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn

Mã số: 8140111

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn - Tiếng Việt)

Định hướng đào tạo: Nghiên cứu

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, quản lý chuyên môn và các vị trí khác thuộc chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Nghiên cứu sinh chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt hoặc ngành gần.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 7/2022

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt theo định hướng nghiên cứu giúp người học có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, khả năng làm việc độc lập và sáng tạo, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề để triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp.
M2	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến lĩnh vực giáo dục Ngữ văn. Có khả năng đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong các hoạt động chuyên môn giáo dục Ngữ văn.
M3	Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.
M4	Phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong hoạt động chuyên môn giáo dục Ngữ văn.
M5	Phát triển năng lực truyền bá, phổ biến tri thức khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.

Mã	Mô tả
M6	Phát triển năng lực tư vấn, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.
M7	Phát triển năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.
M8	Phát triển năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; Phát triển năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và hướng dẫn người khác, phát hiện, giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn thuộc ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt; khả năng đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong các hoạt động chuyên môn.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

Mã	Mô tả
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Thể hiện sự trung thực, đoàn kết, cầu thị, hợp tác, tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
C3	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C4	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.
C5	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực giáo dục Ngữ văn được đào tạo và kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan để thực hiện các nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn.
C6	Cập nhật các thành tựu và xu hướng nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực giáo dục Ngữ văn được đào tạo.
C7	Xác định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực được đào tạo, vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn giáo dục Ngữ văn.
C8	Phổ biến kết quả nghiên cứu trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành giáo dục Ngữ văn.
C9	Tư vấn, tổ chức, quản lý và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn được đào tạo
C10	Tổ chức hội nghị khoa học và các sinh hoạt học thuật chuyên ngành giáo dục Ngữ văn.
C11	Tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học về lĩnh vực giáo dục Ngữ văn được đào tạo. Nghiên cứu và triển khai được các hoạt động giáo dục nói chung, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nói riêng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục Ngữ văn và thực tiễn nhà trường.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	x		x	x			x	x

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C2	x		x	x	x		x	
C3				x	x	x		x
C4		x	x	x	x		x	
C5		x	x	x		x		
C6		x		x	x	x		x
C7		x		x		x		x
C8				x	x	x		
C9						x	x	
C10					x		x	
C11					x	x		

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	9
I.1	Triết học	4
I.2	Tiếng Anh	5
II	Kiến thức cơ sở	14
II.1	Bắt buộc	8
II.2	Tự chọn	6
III	Kiến thức chuyên ngành	14
III.1	Bắt buộc	8
III.2	Tự chọn	6
IV	Nghiên cứu khoa học	24
IV.1.	Các chuyên đề nghiên cứu	12
IV.2.	Luận văn tốt nghiệp	12
	TỔNG	61

4. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập; Có trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

* Danh mục ngành phù hợp: Sư phạm Ngữ văn, Văn học (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm); Ngôn ngữ học (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm).

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo với tổng khối lượng 37 tín chỉ (không tính các chuyên đề nghiên cứu).

- Hoàn thành 03 chuyên đề nghiên cứu, mỗi chuyên đề nghiên cứu có khối lượng 04 tín chỉ.

- Hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu trong thời gian ít nhất 06 tháng, kết quả được thể hiện bằng luận văn.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần (trừ chuyên đề nghiên cứu)

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá chuyên đề nghiên cứu

Các chuyên đề nghiên cứu được đánh giá bởi hội đồng chuyên môn. Điểm của một chuyên đề nghiên cứu là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng theo thang điểm 10; Chuyên đề được xếp loại Đạt khi điểm chuyên đề lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm.

6.2.4. Đánh giá luận văn

Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá luận văn. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; Luận văn được xếp loại Đạt khi điểm luận văn lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lên lớp		Thực hành	Thực tập, thực tế			
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận					
	I. Khối kiến thức chung		9							
1.	Triết học	PHIL502	4	42	36	0	0	122		
2.	Tiếng Anh	ENGL503	5	45	0	60	0	145		
	II. Khối kiến thức cơ sở		14							
	II.1. Bắt buộc		8							
3.	Thi pháp học	LITE551	2	15	30			55		
4.	Ngôn ngữ và văn học	LITE552	2	15	30			55		
5.	Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học	LITE553	2	15	30			55		
6.	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường	LITE554	2	15	30			55		
	II.2. Tự chọn (Chọn 3 trong 10 học phần)		6							
7.	Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại	CMMS503	2	15	30			55		
8.	Ứng dụng lý thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông	LLTM561	2	15	30			55		

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Lên lớp	
9.	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông	LLTM562	2	15	30			55
10.	Tiếp nhận văn học	LLTM563	2	15	30			55
11.	Những vấn đề lí luận của văn học so sánh	LLTM564	2	15	30			55
12.	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam	LLTM565	2	15	30			55
13.	Văn xuôi lăng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945	LLTM566	2	15	30			55
14.	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975	LLTM567	2	15	30			55
15.	Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng	LLTM568	2	15	30			55
16.	Ngôn ngữ nghệ thuật	LLTM569	2	15	30			55
III. Khối kiến thức chuyên ngành				14				
III.1. Bắt buộc				8				
17.	Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông	LLTM571	2	15	30			55
18.	Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn	LLTM572	2	15	30			55
19.	Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn	LLTM573	2	15	30			55
20.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn	LLTM574	2	15	30			55
III.2. Tự chọn (Chọn 3 trong 8 học phần)				6				
21.	Chương trình môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam - lịch sử và đổi mới	LLTM581	2	15	30			55
22.	Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực	LLTM582	2	15	30			55
23.	Kí hiệu học văn học và ứng dụng trong dạy học đọc hiểu văn bản văn chương	LLTM583	2	15	30			55
24.	Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn	LLTM584	2	15	30			55
25.	Dạy chiến lược, kĩ thuật viết cho học sinh trung học	LLTM585	2	15	30			55
26.	Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học	LLTM586	2	15	30			55
27.	Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin	LLTM587	2	15	30			55

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Lên lớp	Thực hành	
28.	Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức	LLTM588	2	15	30			55
	IV. Nghiên cứu khoa học		24					
	IV.1. Các chuyên đề nghiên cứu		12					
29.	Chuyên đề nghiên cứu 1		4					200
30.	Chuyên đề nghiên cứu 2		4					200
31.	Chuyên đề nghiên cứu 3		4					200
	IV.2. Luận văn tốt nghiệp		12					
	TỔNG CỘNG:		61					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
PHIL502	T				I		I				
ENGL503			T		I	I		I			
LITE551		T			T						
LITE552		T			T						I
LITE553		T				T	I				
LITE554		T				T				T	
CMMS503		T			I		T				
LLTM561		T			I						T
LLTM562		T			I					I	T
LLTM563		T			T						
LLTM564		T			T						
LLTM565		T			T						
LLTM566		T			T						
LLTM567		T			T						
LLTM568		T			T						
LLTM569		T			T						
LLTM571		T			I						T
LLTM572		T			I						T
LLTM573		T						T			
LLTM574		T				I	I			T	
LLTM581		T					T			T	T
LLTM582		T			I						T
LLTM583		T			I	I					T
LLTM584		T			I					T	
LLTM585		T			I						T
LLTM586		T			I						T
LLTM587		T			I						T

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
LLTM588		T			I						T
Chuyên đề nghiên cứu 1	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Chuyên đề nghiên cứu 2	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Chuyên đề nghiên cứu 3	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Luận văn tốt nghiệp	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I	II	III	IV
	Các học phần chung				
PHIL502	Triết học		4		
ENGL503	Tiếng Anh		5		
Tổng cộng kí 1		9			
	Các học phần cơ sở				
	Bắt buộc			8	
LITE551	Thi pháp học		2		
LITE552	Ngôn ngữ và văn học		2		
LITE553	Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học		2		
LITE554	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường		2		
	Tự chọn (Chọn 3 trong 10 học phần)		6		
CMMS503	Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại		2		
LLTM561	Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông		2		
LLTM562	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông		2		
LLTM563	Tiếp nhận văn học		2		
LLTM564	Những vấn đề lý luận của văn học so sánh		2		
LLTM565	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam		2		
LLTM566	Văn xuôi lăng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945		2		
LLTM567	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975		2		
LLTM568	Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng		2		
LLTM569	Ngôn ngữ nghệ thuật		2		
Tổng cộng kí 2		14			
	Các học phần chuyên ngành				
	Bắt buộc			8	
LLTM571	Chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông			2	
LLTM572	Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn			2	

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I	II	III	IV
LLTM573	Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn			2	
LLTM574	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn			2	
	Tự chọn (Chọn 3 trong 8 học phần)			6	
LLTM581	Chương trình môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam – lịch sử và đổi mới			2	
LLTM582	Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực			2	
LLTM583	Kí hiệu học văn học và ứng dụng trong dạy học đọc hiểu văn bản văn chương			2	
LLTM584	Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn			2	
LLTM585	Dạy chiến lược, kĩ thuật viết cho học sinh trung học			2	
LLTM586	Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học			2	
LLTM587	Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin			2	
LLTM588	Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức			2	
Tổng cộng kỳ 3				14	
	Chuyên đề nghiên cứu 1				4
	Chuyên đề nghiên cứu 2				4
	Chuyên đề nghiên cứu 3				4
	Luận văn tốt nghiệp				12
Tổng cộng kỳ 4					24

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học (4 tín chỉ)

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bồi trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh (5 tín chỉ)

Học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo có khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B2 (tương đương bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) truyền đạt cho người học, cùng với quá trình rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ này.

8.3. Thị pháp học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp học như: một số vấn đề cơ bản của thi pháp học hiện đại (quan niệm, đối tượng, cách tiếp cận đặc trưng; phân biệt thi pháp học với phong cách học, lí luận văn học); những khuynh hướng nghiên cứu và thành tựu của thi pháp học (Thi pháp học khái quát, Thi pháp học mô tả, Thi pháp học lịch sử); Tiềm năng và những giới hạn của thi pháp học. Học phần cung cấp một hướng

giải mã văn bản văn học, có mối quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học*.

8.4. Ngôn ngữ và văn học (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học; giúp người học hiểu, giải thích được bản chất của hoạt động giao tiếp văn chương, đặc biệt là vai trò của tín hiệu thẩm mĩ trong tác phẩm văn chương. Từ đó vận dụng những tri thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn chương, về tín hiệu thẩm mĩ văn chương để phục vụ hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh phổ thông và phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học thuộc chuyên ngành ngôn ngữ như *Ngôn ngữ nghệ thuật, Phong cách học - Những vấn đề từ lí thuyết đến thực tiễn tiếng Việt, Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*.

8.5. Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức khoa học về phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học. Từ đó, người học có thể ứng dụng vào việc nghiên cứu và giảng dạy cụ thể tác giả, tác phẩm, đặc biệt là các tác phẩm văn học được giảng dạy trong trường phổ thông. Học phần có mối quan hệ gần với các học phần *Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và iảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập*.

8.6. Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường (2 tín chỉ)

Học viên tiếp tục nghiên cứu mở rộng vấn đề dạy học môn Ngữ văn trong bối cảnh quốc tế với các xu hướng đổi mới. Thông qua học phần này, học viên được tiếp cận với các nghiên cứu quốc tế về ngôn ngữ và văn học, đánh giá theo tiếp cận năng lực, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới thiết kế bài học... Đồng thời giúp học viên rèn luyện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong quá trình nghiên cứu và học tập của chuyên ngành. Học phần có mối quan hệ gần với các học phần chuyên ngành lí luận và PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt.

8.7. Chương trình, phương pháp kỹ năng dạy học hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những lí thuyết nền tảng của Lí luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề lí thuyết khoa học và các kỹ năng phát triển chương trình, kỹ năng dạy học và phương pháp dạy học hiện đại hướng vào người học, hoạt động học tập và sự phát triển của người học. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; ...*

8.8. Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần này có vai trò quan trọng đối với việc đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt bởi thực tiễn đã cho thấy đại bộ phận học viên cao học ngữ văn trong các trường ĐHSP là GV phổ thông và SVSP mới tốt nghiệp. Ở trình độ đại

học, người học mới được tìm hiểu về các vấn đề Lí luận văn học. Đến bậc học thạc sĩ, học viên tiếp tục được ứng dụng các lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn một cách có hiệu quả. Học phần thể hiện sự ứng dụng của lí thuyết lí luận văn học vào thiết kế và dạy học Ngữ văn, do đó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lí luận văn học *Tiếp nhận văn học, Thi pháp học, ...* và những học phần về chuyên ngành phương pháp như: *Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn; ...*

8.9. Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Người học đi sâu nghiên cứu, phân tích những đặc trưng cơ bản của văn học nước ngoài; những khó khăn khi giảng dạy văn học nước ngoài ở phổ thông; giúp người học phát triển khả năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học trên cơ sở so sánh các văn bản văn học trong và ngoài nước. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần về chuyên ngành phương pháp như: *Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn, ...*

8.10. Tiếp nhận văn học (2 tín chỉ)

Học phần đi vào một phần lí thuyết hiện đại của lí luận văn học là mĩ học tiếp nhận. Trước đây, người ta chưa nhận thức đúng mức vai trò của người đọc trong hoạt động văn học, tuy nhiên khi lí thuyết tiếp nhận ra đời và được ứng dụng, vai trò của người đọc đã được nâng lên một tầm mức mới. Lúc này, nghiên cứu văn học được định hình như là những cách đọc xuất phát từ những lí thuyết khác nhau mà mỗi lí thuyết là một cách nhìn về tác phẩm. Người học có điều kiện đi sâu vào tìm hiểu các vấn đề của lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại và cách ứng dụng lí thuyết này vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy văn học. Học phần quan tâm đến sự giải mã văn học của người đọc, có quan hệ chặt chẽ với những học phần lí luận văn học như *Thi pháp học, Những vấn đề lí luận của văn học so sánh* và các học phần văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, ngôn ngữ trong chương trình như *Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông, Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945, Ngôn ngữ nghệ thuật*.

8.11. Những vấn đề lí luận của văn học so sánh (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức mang tính lí luận về văn học so sánh như: Lịch sử ra đời, những quan niệm về văn học so sánh; mục đích, đối tượng, phạm vi... của văn học so sánh; Những vấn đề lí luận và thực tiễn đang tồn tại của văn học so sánh trên thế giới và ở Việt Nam. Qua đó, học viên có những hiểu biết sâu rộng về các vấn đề của văn học so sánh - một hướng nghiên cứu văn học có khả năng ứng dụng cao. Học phần có quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học*.

8.12. Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần nhấn mạnh những đặc trưng của văn học Việt Nam trung đại: quy phạm - bất quy phạm, văn tự, thể loại, khuynh hướng sáng tác, ngôn ngữ...; đặt tác phẩm văn học trung đại trong bối cảnh văn hóa đương thời. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học, Ứng*

dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học,...

8.13. Văn xuôi lăng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945 (2 tín chỉ)

Học phần tiếp tục mở rộng, đào sâu phát triển các nội dung khoa học về văn xuôi Việt Nam 1930 -1945; nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy văn xuôi Việt Nam hiện đại trong trường THPT; phát triển các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn xuôi hiện đại một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học, Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học,...

8.14. Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975 (2 tín chỉ)

Học phần bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; phát triển những kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học, Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học,...

8.15. Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào một số nội dung có tính thời sự trong đời sống ngôn ngữ - xã hội ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay, đó là vấn đề ngôn ngữ trong giáo dục (dạy-học tiếng mẹ đẻ, ngoại ngữ; vấn đề lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy trong môi trường đa ngữ; vấn đề kế hoạch hóa ngôn ngữ trong giảng dạy; chính sách ngôn ngữ trong giáo dục v.v); vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong đời sống xã hội (sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng); vấn đề dịch, từ điển học, bệnh lí ngôn ngữ; quan hệ giữa ngôn ngữ và luật pháp (ngôn ngữ học hình sự). Từ những tri thức này, người học có thể vận dụng vào hoạt động giảng dạy hoặc nghiên cứu ngôn ngữ nói chung, nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng nói riêng. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam như Ngôn ngữ và văn học.

8.16. Ngôn ngữ nghệ thuật (2 tín chỉ)

Học phần Ngôn ngữ nghệ thuật cung cấp cho học viên Cao học ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt các nội dung nghiên cứu về: Cơ sở lí thuyết của việc tiếp cận ngôn ngữ nghệ thuật (Những vấn đề chung về nghệ thuật, lí thuyết tín hiệu học và lí thuyết ngôn ngữ học, cơ sở tâm lí học-văn hóa học), bản chất và chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng của văn bản nghệ thuật; đồng thời học phần trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản văn học nghệ thuật của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Từ những tri thức đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông hoặc vận dụng vào mục đích nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần trong

chuyên ngành đào tạo như: *Ngôn ngữ và văn học, Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học, Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, ...*

8.17. Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những vấn đề lý thuyết căn bản và nhiều hình diện về đọc hiểu, đọc hiểu văn học từ lý thuyết, lịch sử đến hệ thống các chiến thuật, kĩ thuật dạy học đọc hiểu văn học. Học phần có quan hệ mật thiết với các học phần cơ sở về nghiên cứu và giảng dạy văn học đồng thời có sự tương tác với các học phần chuyên ngành như: *Ngôn ngữ và văn học, Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học, Ứng dụng lí thuyết lí luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn;*

8.18. Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn (2 tín chỉ)

Học phần mở rộng, đào sâu vào những kiến thức có tính hệ thống, nâng cao về dạy tạo lập các loại văn bản theo hướng phát triển năng lực học sinh. Đặc biệt, học viên sẽ được nghiên cứu sâu về vấn đề năng lực tạo lập văn bản của HS trung học (cấu trúc, thành tố, các chỉ số hành vi) và các cách thức, biện pháp dạy học để phát triển các thành tố trong cấu trúc năng lực tạo lập văn bản của HS. Học phần có liên quan mật thiết đến các học phần cơ sở về ngôn ngữ và các học phần chuyên ngành: *Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Dạy chiến lược, kĩ thuật viết cho học sinh trung học; Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học;*

8.19. Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn (2 tín chỉ)

Tiếp nối những nội dung cơ bản đã có về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS nói chung và kiểm tra, đánh giá trong môn Ngữ văn nói riêng ở trình độ đại học, học phần này trang bị cho học viên lý luận đổi mới đánh giá quá trình, kết quả học tập môn Ngữ văn của HS ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực. Trong đó, người học sẽ được học sâu về: các thang đo trong đánh giá năng lực; các công cụ chủ yếu trong đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo tiếp cận năng lực; các nguyên tắc và quy trình xây dựng công cụ đánh giá năng lực HS. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác của chuyên ngành và môn học cơ sở ngành là “*Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường*”,....

8.20. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn (2 tín chỉ)

Kế thừa những kiến thức, kĩ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ở trình độ đại học, học viên sẽ tiếp tục được phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, cụ thể là khoa học giáo dục Ngữ văn, trong đó, học viên sẽ được học tập, nghiên cứu sâu về các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính; được trang bị thêm và hướng dẫn vận dụng một số phương pháp nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn cũng như quy trình, cách thức tiến hành một đề tài luận

văn cao học. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác của chuyên ngành như: *Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn;...*

8.21. Chương trình môn Ngữ văn ở trường nhà phổ thông Việt Nam - lịch sử và đổi mới (2 tín chỉ)

Học phần giúp học viên nghiên cứu sâu những vấn đề lý luận chung về chương trình và chương trình giáo dục theo các quan điểm tiếp cận tiên tiến trên thế giới; nội dung chương trình môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam qua giai đoạn lịch sử : trước 1945, từ 1945 đến 1975, từ 1975 đến 2000 và từ năm 2000 đến nay; những nội dung về vấn đề phát triển chương trình GDPT môn Ngữ văn qua cái nhìn đổi mới. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn chuyên ngành: *Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn;...*

8.22. Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực (2 tín chỉ)

Học phần giúp học viên nghiên cứu sâu những vấn đề lý luận về câu hỏi đọc hiểu văn bản văn học như: câu hỏi trong dạy học đọc hiểu theo tiếp cận năng lực; câu hỏi đọc hiểu trong SGK nước ngoài (Hoa Kì, Singapore...); thiết kế câu hỏi đọc hiểu theo tiếp cận năng lực; sử dụng câu hỏi đọc hiểu trong dạy học văn theo CT, SGK Ngữ văn mới. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và chuyên ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Ngôn ngữ và văn học, Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn;...*

8.23. Kí hiệu học văn học và ứng dụng trong dạy học đọc hiểu văn bản văn chương (2 tín chỉ)

Đây là học phần giúp học viên nghiên cứu sâu một số vấn đề lý luận về lí thuyết kí hiệu học (khái niệm; lịch sử hình thành, phát triển; đối tượng, phạm vi nghiên cứu và những luận điểm cơ bản của lí thuyết kí hiệu học văn học); đồng thời nghiên cứu về việc ứng dụng những thành tựu của lí thuyết kí hiệu học vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học trong nhà trường. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Tiếp nhận văn học; Những vấn đề lí luận của văn học so sánh; Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực;...*

8.24. Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn (2 tín chỉ)

Học sinh - bạn đọc sáng tạo là tư tưởng đổi mới có tính đặc thù của dạy học tác phẩm văn chương ở trường phổ thông. Trong xu thế đổi mới dạy học đọc hiểu văn học, người GV cần nắm chắc những nội dung cơ bản của định hướng này đồng thời biết cách thực hiện tư tưởng đổi mới đó. Học phần giúp học viên nghiên cứu sâu hơn về nội

dung cơ bản: Những tiền đề lý luận và thực tiễn, đa ngành và liên ngành, truyền thống và hiện đại, trong nước và nước ngoài của dạy học tác phẩm văn chương theo hướng phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh; Đặc trưng của hoạt động dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường. Học phần có quan hệ mật thiết với các môn ngành như: *Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Dạy chiến lược, kĩ thuật viết cho học sinh trung học.*

8.25. Dạy chiến lược, kĩ thuật viết cho học sinh trung học (2 tín chỉ)

Đây là học phần có nhiệm vụ giúp học viên có điều kiện nghiên cứu những nội dung cơ bản về kĩ năng viết và cách thức rèn kĩ năng này trong quá trình dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông theo yêu cầu đổi mới. Theo đó những nội dung nâng cao hơn so với chương trình đại học của học phần này là thực tiễn nghiên cứu về kĩ năng viết, dạy viết trong SGK nước ngoài; các chiến lược viết; xây dựng hồ sơ viết... Học phần này có mối quan hệ với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ;...

8.26. Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học (2 tín chỉ)

Theo chương trình Ngữ văn 2018, dạy học kĩ năng nói được triển khai nhằm đáp ứng tính thời sự của yêu cầu đổi mới giáo dục. Học phần này vừa tiếp nối vừa mở rộng nâng cao hơn so với chương trình đại học trong các nội dung: kĩ năng nói và vấn đề phát triển kĩ năng này cho HS; phương pháp phát triển kĩ năng này cho HS phổ thông. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần *Ngôn ngữ và văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn;*...

8.27. Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin (2 tín chỉ)

Trên cơ sở những kiến thức sơ giản về văn bản thông tin và phương pháp dạy đọc văn bản thông tin được trang bị ở bậc đại học, học viên sẽ được nghiên cứu sâu về văn bản thông tin: các quan niệm về văn bản thông tin trong và ngoài nước; văn bản thông tin trong SGK nước ngoài; dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản thông tin. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Tiếp nhận văn học; Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học;*...

8.28. Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức (2 tín chỉ)

Học phần giúp học viên nghiên cứu sâu về văn bản đa phương thức: các quan niệm về văn bản đa phương thức trong và ngoài nước; văn bản đa phương thức trong SGK nước ngoài; dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản đa phương thức. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Ngôn ngữ và văn học; Tiếp nhận văn học; Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông;*

Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Phát triển kỹ năng nói cho học sinh trung học;...

8.29. Các chuyên đề nghiên cứu (12 tín chỉ)

Chuyên đề nghiên cứu là các học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt theo định hướng nghiên cứu. Thông qua thực hiện các chuyên đề nghiên cứu, học viên tìm hiểu sâu các vấn đề mang tính nguyên lý liên quan đến lĩnh vực Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt, đồng thời phát triển những năng lực cần thiết để thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực được đào tạo. Mỗi học viên lựa chọn 03 chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt, thực hiện nghiên cứu chuyên đề dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả nghiên cứu các chuyên đề có thể được phát triển thành luận văn tốt nghiệp.

8.30. Luận văn tốt nghiệp (12 tín chỉ)

Học viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu, kết quả được thể hiện bằng luận văn tốt nghiệp. Luận văn tốt nghiệp là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên; có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt.

9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.1.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

9.1.3. Khoa Ngữ văn

- Xây dựng và và định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Tiếp nhận và quản lý học viên trong suốt quá trình đào tạo;

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

9.1.4. Bộ môn PPDH Ngữ văn

- Phối hợp cùng Khoa và Phòng Đào tạo trong công tác quản lý, tổ chức đào tạo.

9.1.5. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

9.1.6. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.

- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. Công bố chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm : tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất

lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG